

TIẾP TỤC HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH VỀ NHỮNG TRƯỜNG HỢP LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017)¹

THIỀU CẨM SƠN*

Tóm tắt: Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 – sau đây gọi tắt là BLHS năm 2015) mặc dù đã có nhiều điểm mới, tiến bộ nhưng để thống nhất nhận thức, thi hành đúng và có căn cứ thì việc nghiên cứu, hoạch định chính sách hình sự và đề xuất giải pháp tiếp tục hoàn thiện quy định về chế định này vẫn là yêu cầu cần thiết. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật (các Điều 20, 21, 23) và ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật về những tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự trong BLHS hiện hành.

Từ khóa: Trách nhiệm hình sự, Bộ luật Hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự

Ngày nhận bài: 08/12/2023; Biên tập xong: 17/12/2023; Duyệt đăng: 22/12/2023

CONTINUE TO IMPROVE REGULATIONS ON CASES EXCLUDING CRIMINAL LIABILITY IN THE 2015 PENAL CODE (AMENDED AND SUPPLEMENTED IN 2017)

Abstract: Although there are many new and progressive points in the cases of exclusion of criminal liability in the 2015 Penal Code (amended and supplemented in 2017), it is still a necessary requirement for researching, planning criminal policies and proposing solutions to continue improving regulations on this institution in order to unify awareness, implement correctly and effectively. Within the framework of the article, the author proposes recommendations to improve the law (Articles 20, 21, 23 of the 2015 Penal Code) and issue documents guiding the application of the law on circumstances excluding criminal liability in the current Penal Code.

Keywords: Criminal liability, Penal Code, excluding criminal liability

Received: Dec 08th, 2023; **Editing completed:** Dec 17th, 2023; **Accepted for publication:** Dec 22nd, 2023

1. Quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự và những vấn đề đặt ra

Chế định những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự được ghi nhận tại Chương IV BLHS năm 2015 với 07 điều luật từ Điều 20 đến Điều 26 là một bước tiến mới rất quan trọng, đã làm rõ ranh giới giữa các quy phạm thuộc về tội phạm và các quy phạm không phải là tội phạm trong hoạt động lập pháp hình sự Việt Nam².

¹ Bài viết này được tài trợ thực hiện bởi đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường - Trường Đại học Mở Hà Nội. Mã số MHN 2022-02.12

² Lê Văn Cẩm (biên soạn), *Nhận thức khoa học về phân chung pháp luật hình sự Việt Nam sau pháp điển hóa lần thứ ba (sách chuyên khảo)*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018, tr.40

1.1. Sự kiện bất ngờ

Sự kiện bất ngờ được quy định tại Điều 20 BLHS năm 2015. So với BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), quy định này cơ bản không có gì thay đổi về nội dung. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của trường hợp này là ở chỗ, trách nhiệm hình sự không thể và không bao giờ đặt ra cho một người khi họ không có lỗi trong việc thực hiện hành vi. Hơn nữa, không có lỗi cũng có nghĩa là hành vi của họ không thỏa mãn các dấu hiệu cơ bản của tội phạm, đồng thời mục đích và vai trò của luật hình sự đặt ra sẽ không đạt được và không có hiệu quả trong việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế hình sự đối với một

* Email: Sontc@hou.edu.vn

Thạc sĩ, Khoa Luật, Trường Đại học Mở Hà Nội

người khi họ không có lỗi trong việc gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Người có hành vi gây thiệt hại trong trường hợp này đương nhiên không phải chịu trách nhiệm hình sự chứ không phải được loại trừ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, tác giả đồng tình với quan điểm của nhiều nhà khoa học cho rằng³, sự kiện bất ngờ (Điều 20 BLHS năm 2015) không thuộc những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự và cần được sắp xếp lại cho phù hợp về khoa học pháp lý.

1.2. Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự

BLHS năm 2015 không trực tiếp quy định vấn đề “*tình trạng có năng lực trách nhiệm hình sự*” mà quy định tình trạng đối lập “*tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự*” tại Điều 21. Chúng tôi cho rằng quy định như vậy là hoàn toàn hợp lý. Có hai dấu hiệu xác định tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự: Dấu hiệu về y học và dấu hiệu về tâm lý. Trong đó, dấu hiệu y học (mắc bệnh) có vai trò như nguyên nhân và dấu hiệu tâm lý (mất năng lực nhận thức hoặc điều khiển hành vi) là hậu quả. Mặt khác, theo luật hình sự Việt Nam, chủ thể của tội phạm phải là người có năng lực trách nhiệm hình sự (năng lực lỗi). Người không có năng lực trách nhiệm hình sự đã không thỏa mãn dấu hiệu của chủ thể của tội phạm, do đó hành vi gây thiệt hại bởi người đang trong tình trạng này không cấu thành tội phạm và không có trách nhiệm hình sự.

Bởi vậy, tương tự như trường hợp gây thiệt hại trong sự kiện bất ngờ, tác giả cho rằng người gây thiệt hại nhưng trong tình trạng không có năng lực trách nhiệm

hình sự về bản chất là không có trách nhiệm hình sự, chứ không phải được loại trừ trách nhiệm hình sự.

1.3. Phòng vệ chính đáng

Phòng vệ chính đáng được quy định tại Điều 22 BLHS năm 2015. Đây là quy định có nhiều thay đổi so với quy định tương ứng trong BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Theo quy định của BLHS năm 2015, hành vi được coi là phòng vệ chính đáng khi thỏa mãn các điều kiện: *Một là*, có hành vi trái pháp luật đang xâm hại đến các lợi ích hợp pháp – cơ sở để phát sinh quyền phòng vệ chính đáng. *Hai là*, hành vi xâm hại đến các lợi ích hợp pháp phải đang diễn ra, đang hiện hữu và có thật, không phải do suy đoán hoặc tưởng tượng. *Ba là*, hành vi chống trả của người phòng vệ phải nhằm vào chính người có hành vi tấn công. *Bốn là*, hành vi chống trả của người phòng vệ chính đáng phải là chống trả một cách cần thiết.

Về điều kiện thứ tư, “chống trả một cách cần thiết” là biện pháp chống trả mà người phòng vệ sử dụng trong hoàn cảnh cụ thể phải là biện pháp cần thiết để ngăn chặn, đẩy lùi hoặc loại bỏ hành vi tấn công. Tuy nhiên, nếu đặt ở hoàn cảnh một người đang trong tình trạng bị xâm hại hoặc bị đe dọa ngay tức khắc đến quyền và lợi ích hợp pháp, theo quan điểm của tác giả, ngay tại thời điểm đó người bị tấn công khó có thể tính toán, cân nhắc (nhận thức) và quyết định chống trả thế nào cho phù hợp và cần thiết. Vì vậy, cần có văn bản hướng dẫn chi tiết nội dung này nhằm đảm bảo áp dụng chung, thống nhất giữa các cơ quan áp dụng pháp luật.

1.4. Tình thế cấp thiết

Tình thế cấp thiết được quy định tại Điều 23 BLHS năm 2015. Nghiên cứu quy định này cho thấy vẫn còn một số

³ Nguyễn Ngọc Hòa, *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 – Phần chung*, NXB. Tư pháp, Hà Nội, 2017, tr. 11-117

hạn chế, đó là: *Thứ nhất*, tác giả đồng tình với quan điểm cho rằng quy định “*Hành vi gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không phải tội phạm*” cần phải sửa đổi lại cho phù hợp với lý luận, thực tiễn xét xử và Bộ luật Hình sự một số nước trên thế giới⁴. *Thứ hai*, tương tự như phòng vệ chính đáng, tại thời điểm một người đối mặt với thiệt hại đang diễn ra, trong nhiều trường hợp việc đánh giá lựa chọn gây thiệt hại và cho rằng thiệt hại đó là thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa là điều vô cùng phức tạp. Trong khi đó, đây là quy định rất quan trọng thể hiện tính nhân văn trong bất cứ hệ thống pháp luật nào. Tuy nhiên, trên thực tế, đã có nhiều vụ việc vẫn còn những tranh cãi liệu hành vi gây thiệt hại để có gây thiệt hại vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết hay không (là tội phạm hay không phải là tội phạm)⁵.

1.5. Các trường hợp khác

Ngoài các trường hợp nêu trên, BLHS năm 2015 còn bổ sung các trường hợp sau:

- *Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội* (Điều 24 BLHS năm 2015)

Để được coi là gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội, hành vi gây thiệt hại phải thỏa mãn các điều kiện sau: *Một là*, cơ sở phát sinh việc gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội là có người thực hiện hành vi phạm tội và được phép bắt giữ⁶. *Hai là*, người thực

hiện quyền bắt giữ người có hành vi phạm tội được phép sử dụng vũ lực để bắt giữ và có thể gây thiệt hại trong giới hạn cho phép. *Ba là*, việc gây thiệt hại cho người bị bắt giữ là biện pháp duy nhất và cần thiết.

- *Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ* (Điều 25 BLHS năm 2015)

Để được loại trừ trách nhiệm hình sự trong trường hợp này, phải đảm bảo các điều kiện sau: *Một là*, có hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ và đã gây thiệt hại. *Hai là*, các hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ đã thực hiện theo đúng quy trình, tiêu chuẩn, yêu cầu về an toàn và đúng biện pháp phòng ngừa thiệt hại nhưng thiệt hại vẫn xảy ra.

- *Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc cấp trên* (Điều 26 BLHS năm 2015)

Các điều kiện để được loại trừ trách nhiệm hình sự do thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc cấp trên bao gồm: *Một là*, hành vi gây thiệt hại khi thi hành mệnh lệnh phải trong lực lượng vũ trang nhân dân và nhiệm vụ liên quan đến quốc phòng, an ninh. *Hai là*, người ra mệnh lệnh phải là người chỉ huy hoặc cấp trên của người thi hành mệnh lệnh⁷. *Ba là*, người thi hành đã thực hiện đầy đủ quy trình báo cáo người ra mệnh lệnh nhưng người này vẫn yêu cầu họ phải thực hiện mệnh lệnh.

Nhằm đảm bảo cho thực tiễn thi hành và trách nhiệm hình sự của người chỉ huy

kỳ người nào) thì chỉ có quyền bắt giữa người trong hai trường hợp là người phạm tội quả tang (Điều 111) và bắt người đang bị truy nã (Điều 112)

⁷ Xem thêm: Điều 31 Luật Công an nhân dân năm 2018; Điều 26 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2008, 2014.

⁴ Trịnh Tiến Việt, *Trách nhiệm hình sự và loại trừ trách nhiệm hình sự (sách chuyên khảo)*, NXB. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2019, tr.218

⁵ Quang Lê (2018), *Phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết và những điều tốt đẹp*, Báo điện tử Chính phủ, Nguồn: <https://baochinhphu.vn/phong-ve-chinh-dang-tinh-the-cap-thiet-va-nhung-dieu-tot-dep-102237508.htm>, truy cập ngày 04/12/2023

⁶ Xem thêm: Chương VII Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã quy định các chủ thể có quyền bắt người trong tố tụng hình sự, trong đó nếu là công dân (bắt

hoặc cấp trên và cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tác giả đồng tình với quan điểm cho rằng nên sửa đổi phân định rõ ràng hơn các trường hợp cụ thể - trường hợp mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên đúng pháp luật và trường hợp trái pháp luật để có trách nhiệm hình sự hay loại trừ trách nhiệm hình sự tương ứng.⁸

2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật và hướng dẫn áp dụng pháp luật về những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự

2.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật

- Sự kiện bất ngờ

Thứ nhất, BLHS năm 2015 cần thiết phải sắp xếp đưa Điều 20 quy định về sự kiện bất ngờ ra khỏi Chương IV: Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự. Bởi lẽ, như đã phân tích, đây là trường hợp chủ thể không có lỗi đối với hành vi nguy hiểm và hậu quả thiệt hại đã xảy ra. Hành vi gây thiệt hại trong sự kiện bất ngờ không đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm, không có trách nhiệm hình sự, người gây thiệt hại trong trường hợp này không phải chịu trách nhiệm hình sự chứ không phải được loại trừ trách nhiệm hình sự do đó không phù hợp với bản thân tên gọi của Chương IV. Điều 20 cần sắp xếp chuyển về Chương III và đặt sau quy định lỗi vô ý phạm tội (Điều 11), đảm bảo sự liên hệ và phân biệt rõ ràng trường hợp sự kiện bất ngờ (không có lỗi) với các trường hợp lỗi ở trên.

Thứ hai, để khẳng định việc không có lỗi như đã phân tích ở ý trên, cần bổ sung cụm từ “không có lỗi” vào điều luật này mới dẫn đến không phải chịu trách nhiệm hình sự. Điều luật có thể được sửa lại như sau:

⁸ Xem thêm: Trịnh Tiến Việt, *sđd*, tr.348

Điều 20. Sự kiện bất ngờ

“Người thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội trong trường hợp không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi đó, thì không có lỗi và không phải chịu trách nhiệm hình sự.”

- *Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự*

Tương tự như quy định về sự kiện bất ngờ, như đã phân tích, hành vi gây thiệt hại cho xã hội của người trong tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự không đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm. Vì vậy, cần chuyển quy định này về Chương III và đặt sau quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự, sẽ đảm bảo liên hệ và phân biệt rõ tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự với trường hợp thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm.

- Tình thế cấp thiết

Về kỹ thuật lập pháp, việc lặp lại “tình thế cấp thiết” là “tình thế” cũng như đoạn 2 cũng đã quy định “Hành vi gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không phải tội phạm”. Đồng thời, cần khẳng định “thiệt hại nhỏ hơn” trong tình thế cấp thiết phải là thiệt hại về tài sản, bởi lẽ không thể có cơ sở khoa học nào chứng minh được tinh thần hay “giá trị” của con người để có thể xác định hay định lượng được là “thiệt hại nhỏ hơn” thiệt hại cần ngăn ngừa. Theo quan điểm tác giả, Điều 23 sửa đổi như sau:

Điều 23. Tình thế cấp thiết

“1. Tình thế cấp thiết là **tình thế** của người vì muốn tránh gây thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà không còn cách nào khác là phải gây một thiệt hại về tài sản nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa.

Hành vi gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không phải là tội phạm.

2. Trong trường hợp thiệt hại gây ra rõ ràng vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết, thì người gây thiệt hại đó phải chịu trách nhiệm hình sự.”

2.2. Kiến nghị ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng về những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự

Nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn xét xử và tăng cường bảo vệ quyền con người, quyền công dân, Tòa án nhân dân tối cao cần sớm ban hành Nghị quyết hướng dẫn thi hành các quy định của BLHS năm 2015 tại Chương IV – Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự. Nghị quyết cần có các hướng dẫn sau:

Hướng dẫn áp dụng Điều 22 – Phòng vệ chính đáng

1. “Cần thiết” trong “chống trả lại một cách cần thiết” là mức độ phù hợp của hành vi phòng vệ đối với hành vi xâm hại, do người phòng vệ tự cân nhắc, đánh giá trong hoàn cảnh cần ngăn chặn kịp thời hành vi xâm hại đến quyền và lợi ích chính đáng của mình, của người khác hoặc lợi ích của nhà nước, của cơ quan, tổ chức.

2. Để đánh giá mức độ phù hợp giữa hành vi phòng vệ với hành vi xâm hại, đồng thời căn cứ vào các dấu hiệu sau:

a. Tính chất của mối quan hệ xã hội bị xâm hại: Hành vi xâm hại đến mối quan hệ xã hội càng quan trọng thì cho phép hành vi chống trả càng cao và quyết liệt.

b. Về tính chất của hành vi xâm hại nhận định bằng phương pháp, cách thức, thủ đoạn, công cụ, phương tiện dùng để xâm hại: Nếu phương pháp, thủ đoạn càng tinh vi, xảo quyệt; công cụ, phương tiện càng nguy hiểm thì cho phép hành vi chống trả càng cao và quyết liệt.

c. Sự mãnh liệt của hành vi xâm hại: nếu hành vi xâm hại càng mãnh liệt, cho thấy quyết tâm xâm hại đến cùng thì cho phép hành vi chống trả càng cao và quyết liệt.

d. Không gian, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh cụ thể khi xảy ra sự việc.

đ. Tương quan lực lượng giữa bên phòng vệ và bên có hành vi xâm hại.

3. Khi đánh giá mức độ phù hợp để được coi là chống trả một cách cần thiết, cần đánh giá tổng hợp các căn cứ nêu trên, đồng thời chú ý xem xét đến thái độ, tâm lý của người phòng vệ. Chỉ khi nào có sự không phù hợp một cách rõ ràng (vượt quá) giữa hành vi phòng vệ và hành vi xâm hại thì mới bị coi là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trịnh Tiến Việt, *Trách nhiệm hình sự và loại trừ trách nhiệm hình sự (sách chuyên khảo)*, NXB. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2019, tr.218

2. Lê Văn Cẩm (chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2003, tr.279-280

3. Lê Văn Cẩm (biên soạn), *Nhận thức khoa học về phần chung pháp luật hình sự Việt Nam sau pháp điển hóa lần thứ ba (sách chuyên khảo)*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2018, tr.40

4. Nguyễn Ngọc Hòa, *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 – Phần chung*, NXB. Tư pháp, Hà Nội, 2017, tr.11-117

5. Nguyễn Văn Hương, “Hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 17(441), 2021, tr.43-49

6. Nguyễn Quốc Việt, “Hoàn thiện chế định loại trừ trách nhiệm hình sự”, *Tạp chí Dân chủ & Pháp luật*, số chuyên đề Xây dựng Dự án Bộ luật Hình sự sửa đổi, 2014, tr.16-19.